

Số: 1730/KH-SVHTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai việc tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 tại Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

Căn cứ Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

Căn cứ Quyết định số 1660/QĐ-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10,

Sở Văn hóa và Thể thao ban hành Kế hoạch triển khai việc tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Xét chọn, tôn vinh những nghệ sĩ có đủ phẩm chất đạo đức, có công hiến nổi trội, có tài năng nghệ thuật xuất sắc, tiêu biểu cho loại hình, ngành, nghề nghệ thuật để trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo hoạt động tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” phải đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình và thủ tục được quy định tại Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ, Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và Quyết định số 1660/QĐ-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Đảm bảo các Hội đồng cấp cơ sở và cấp Thành phố làm việc đúng tiến độ thời gian dự kiến theo Kế hoạch này.

- Đảm bảo Lễ công bố quyết định và trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” được tổ chức kịp thời, trang trọng, theo đúng quy định của pháp luật.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tổ chức hội, các đơn vị nghệ thuật có liên quan

1.1. Các tổ chức hội, các đơn vị nghệ thuật ngoài công lập

Người đứng đầu các tổ chức hội có liên quan, các đơn vị nghệ thuật ngoài công lập có trách nhiệm:

- Phổ biến, giới thiệu Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ, Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và Quyết định số 1660/QĐ-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 và Kế hoạch triển khai việc tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 tại Thành phố Hồ Chí Minh của Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hướng dẫn các trường hợp thuộc thuộc tổ chức, đơn vị mình thực hiện hồ sơ đúng quy định, tổng hợp hồ sơ hoàn chỉnh gửi về Sở Văn hóa và Thể thao.

1.2. Các đơn vị nghệ thuật công lập

Thủ trưởng các đơn vị nghệ thuật công lập, có trách nhiệm:

- Phổ biến, giới thiệu Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ, Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và Quyết định số 1660/QĐ-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 và Kế hoạch triển khai việc tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 tại Thành phố Hồ Chí Minh của Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thành lập Hội đồng cấp cơ sở, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ về điều kiện, tiêu chuẩn có liên quan về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” đối với các trường hợp thuộc đơn vị quản lý.

- Tổ chức các phiên họp của Hội đồng cấp cơ sở.

- Trả lời đơn, thư liên quan đến công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp cơ sở (nếu có).

- Hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng cấp Thành phố theo quy định.

2. Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Thành lập Hội đồng cấp cơ sở xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 cấp Sở Văn hóa và Thể thao (gọi tắt là Hội đồng cấp Sở)

- Phổ biến, giới thiệu Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ, Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và Quyết định số 1660/QĐ-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 và Kế hoạch triển khai việc tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 tại Thành phố Hồ Chí Minh của Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thành lập Hội đồng cấp cơ sở, tiếp nhận hồ sơ, thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” đối với các trường hợp công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở, nghệ sĩ thuộc các tổ chức hội, các đơn vị nghệ thuật ngoài công lập và nghệ sĩ tự do.

- Tổ chức các phiên họp của Hội đồng cấp cơ sở. Niêm yết công khai danh sách nộp hồ sơ và danh sách các trường hợp được Hội đồng cấp cơ sở thống nhất đề xuất Hội đồng cấp Thành phố xem xét theo quy định.

- Trả lời đơn, thư liên quan đến công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp cơ sở (nếu có).

- Hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng cấp Thành phố theo quy định.

2.1. Thực hiện vai trò là Cơ quan thường trực của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần 10 cấp Thành phố

- Phổ biến, giới thiệu Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ, Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và Quyết định số 1660/QĐ-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 và Kế hoạch triển khai việc tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 tại Thành phố Hồ Chí Minh của Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng cấp Thành phố xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10.

- Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định, tổng hợp hồ sơ và chuẩn bị các công việc liên quan phục vụ công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần 10 của Hội đồng cấp Thành phố.

- Tham mưu tổ chức các phiên họp của Hội đồng cấp Thành phố; thực hiện việc niêm yết công khai danh sách các trường hợp được Hội đồng cấp Thành phố thống nhất đề xuất Hội đồng cấp Nhà nước xem xét theo quy định.

- Tham mưu Thường trực Hội đồng cấp Thành phố trả lời đơn, thư liên quan đến công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp Thành phố (nếu có).

- Hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng cấp Nhà nước theo quy định.

III. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG VÀ TỔ THƯ KÝ HỘI ĐỒNG CẤP THÀNH PHỐ

1. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 cấp Thành phố

1.1. Số lượng, thành phần Hội đồng cấp Thành phố:

Theo khoản 2, Điều 15 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ và khoản 11, Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định: Hội đồng cấp tỉnh có từ 09 đến 11 thành viên, thành phần cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.
- Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Ban Tuyên thành ủy, Giám đốc hoặc Phó Giám đốc phụ trách nghệ thuật của Sở Văn hóa và Thể thao.
- Thành viên Hội đồng bao gồm: Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố, Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Thành phố; chuyên gia về các chuyên ngành nghệ thuật; Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú của Thành phố.

1.2. Nguyên tắc làm việc và nhiệm vụ của Hội đồng:

a) Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

Theo Điều 12 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ và khoản 5, Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định:

- Hội đồng tổ chức phiên họp khi có mặt ít nhất 90% thành viên Hội đồng, trong đó Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền.

- Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” đủ điều kiện gửi cơ quan thường trực Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước khi đạt từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng:

Theo khoản 3, Điều 15 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ và khoản 12, Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định nhiệm vụ:

- Xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Hội đồng cấp cơ sở trình theo quy định.

- Đăng công khai danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” trên phương tiện thông tin thuộc thẩm quyền quản lý: Cổng thông tin điện tử hoặc Báo ngành, địa phương trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của Hội đồng cấp cơ sở.

- Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả.

- Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” đạt từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp gửi cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước theo thời gian nêu trong Kế hoạch.

- Hội đồng sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Tổ Thư ký Hội đồng

2.1. Dự kiến thành phần:

Theo khoản 2, Điều 15 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định: Hội đồng cấp Thành phố có Tổ Thư ký do Chủ tịch Hội đồng thành lập gồm 06 thành viên, thành phần cụ thể như sau:

- Đại diện Lãnh đạo Văn Phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Tổ trưởng;
- Đại diện Lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố, Tổ phó;
- Đại diện Lãnh đạo phòng Tổ chức - Pháp chế, Sở Văn hóa và Thể thao, Tổ phó;
- Đại diện Lãnh đạo phòng Nghệ thuật Sở Văn hóa và Thể thao, Tổ phó;
- Chuyên viên phòng Nghệ thuật, Sở Văn hóa và Thể thao, Tổ viên;
- Chuyên viên phòng Tổ chức - Pháp chế, Sở Văn hóa và Thể thao, Tổ viên.

2.2. Nhiệm vụ: Tổ Thư ký có trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng cấp Thành phố trong công tác tiếp nhận hồ sơ xét duyệt, hoàn tất các thủ tục liên quan và giải đáp các thắc mắc khi có yêu cầu.

IV. TRÌNH TỰ XÉT TẶNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Hội đồng cấp cơ sở và Hội đồng cấp cơ sở Sở Văn hóa và Thể thao (gọi chung là Hội đồng cấp cơ sở)

- Thời gian Hội đồng cấp cơ sở kết thúc nhận hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10: Hạn chót ngày 20/6/2021.

- Thời gian họp Hội đồng cấp cơ sở tổ chức họp: Từ ngày 01/7/2021 đến ngày 05/7/2021.

- Hội đồng Hội đồng cấp cơ sở đăng công khai kết quả họp Hội đồng xét tặng trong thời gian 05 ngày làm việc.

- Thời gian Hội đồng cấp cơ sở gửi hồ sơ đến Hội đồng cấp Thành phố: Hạn chót ngày 15/7/2021 (tính theo dấu bưu điện).


2. Hội đồng cấp Thành phố

- Thời gian họp Hội đồng cấp Thành phố: Từ ngày 20 đến ngày 27/8/2021.

- Thời gian Hội đồng cấp Thành phố gửi hồ sơ lên Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước: Hạn chót ngày 05/9/2021.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí tổ chức xét tặng thực hiện theo quy định cụ thể tại Điều 7 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

Trên đây là Kế hoạch triển khai việc tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Văn hóa và Thể thao – cơ quan thường trực Hội đồng đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan, các cá nhân là nghệ sĩ đang sinh hoạt và hành nghề tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện. 

Nơi nhận:

- Vụ TĐKT Bộ VHTTDL
- UBND.Tp;
- Ban Tuyên giáo TP;
- Đảng ủy - BGĐ Sở;
- Các tổ chức Hội;
- Các đơn vị nghệ thuật trực thuộc Sở;
- Các đơn vị nghệ thuật;
- VPS, P.Nghệ thuật;
- Lưu: VT,P.TCPC.



GIÁM ĐỐC

Trần Thế Thuận

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1692 /BVHTTDL-TĐKT
V/v hướng dẫn xét tặng danh hiệu
“Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”
lần thứ 10

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2021

Kính gửi:

- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công an
- Đài Truyền hình Việt Nam
- Đài Tiếng nói Việt Nam
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- Sở Văn hóa và Thể thao
- Các đơn vị nghệ thuật trực thuộc Bộ
- Các Hãng phim trực thuộc Bộ
- Các Trường Văn hóa, nghệ thuật trực thuộc Bộ

Căn cứ Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

Căn cứ Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

Căn cứ Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 (ban hành theo Quyết định số 1660/QĐ-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Để công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 đạt kết quả tốt, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Hội đồng cấp Bộ/tỉnh khi tổ chức triển khai công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 cần chú ý một số nội dung sau:

1. Công tác danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 thực hiện theo quy định tại Nghị định số 89/2014/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2021/NĐ-CP của Chính phủ (*Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Văn bản số 1453/VBHN-BVHTTDL ngày 06 tháng 5 năm 2021 hợp nhất 02 Nghị định nêu trên và đăng trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ*) và Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 (ban hành theo Quyết định số 1660/QĐ-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

2. Hướng dẫn Hội đồng cấp cơ sở triển khai thực hiện công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 theo đúng quy trình, thủ tục, hồ sơ quy định tại Nghị định số 89/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Handwritten mark

3. Về số lượng thành viên Hội đồng: Đảm bảo số lượng thành viên theo quy định (Hội đồng cấp cơ sở thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP; Hội đồng cấp Bộ/tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 10 và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP), trong đó ưu tiên mời các chuyên gia có chuyên môn cao về chuyên ngành nghệ thuật, các cá nhân đã được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tại địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia Ủy viên Hội đồng. Hội đồng chỉ tổ chức phiên họp khi có mặt ít nhất 90% thành viên Hội đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Hội đồng cấp Bộ/tỉnh đăng công khai danh sách các cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú trên phương tiện thông tin thuộc thẩm quyền quản lý: Cổng thông tin điện tử, Tạp chí, Báo ngành, địa phương trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của Hội đồng cấp cơ sở. *(Việc đăng tải danh sách được thể hiện thành một nội dung trong Báo cáo quá trình xét tặng của Hội đồng cấp Bộ/tỉnh gửi Hội đồng cấp Nhà nước).*

5. Về thành phần hồ sơ Hội đồng cấp Bộ/ tỉnh gửi Hội đồng cấp Nhà nước cần lưu ý:

- Có ý kiến bằng văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ban cán sự Đảng các Bộ, ngành về các hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” thuộc thẩm quyền quản lý tại địa phương, Bộ, ngành.

- Bản nhận xét của Hội đồng đối với từng cá nhân được xem xét, đánh giá là trường hợp đặc biệt (có cống hiến nổi trội, có tài năng nghệ thuật xuất sắc, thiếu giải thưởng theo quy định) (nếu có).

6. Về quy đổi giải thưởng: Thực hiện theo Phụ lục II, Bảng quy đổi giải thưởng ban hành kèm theo Nghị định số 40/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Trong quá trình xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, Hội đồng cấp Bộ/tỉnh nếu có kiến nghị, đề xuất thì đề nghị nêu cụ thể và chi tiết các kiến nghị, đề xuất ngay trong Tờ trình gửi Hội đồng cấp Nhà nước.

8. Thời gian Hội đồng cấp Bộ/tỉnh gửi hồ sơ lên Hội đồng cấp Nhà nước chậm nhất là ngày 05 tháng 9 năm 2021 (tính theo dấu bưu điện).

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị trao đổi với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Thi đua, Khen thưởng) để được hướng dẫn và giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trịnh Thị Thùy (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTKT, TKV.120.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG



Nguyễn Huy Cận

Số: 1660 /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2021

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH	
CV ĐẾN	Số: 1660/A
	Ngày: 28/5

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch xét tặng danh hiệu
“Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

Căn cứ Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

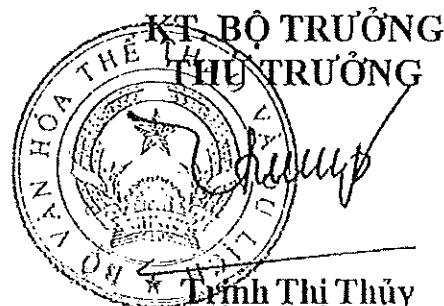
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10.

Điều 2. Kinh phí tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng, Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn, Cục trưởng Cục Điện ảnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng;
- Lưu: VT, ĐKT, TKV.150.



Trịnh Thị Thủy

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10
(Kèm theo Quyết định số 1660 /QĐ-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xét chọn, tôn vinh những nghệ sĩ có đủ phẩm chất đạo đức, có công hiến nổi trội, có tài năng nghệ thuật xuất sắc, tiêu biểu cho loại hình, ngành, nghề nghệ thuật để trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo hoạt động tổ chức xét tặng tại các cấp Hội đồng đúng đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình và thủ tục được quy định tại Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” (sau đây viết tắt là Nghị định số 89/2014/NĐ-CP) và Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” (sau đây viết tắt là Nghị định số 40/2021/NĐ-CP).

- Đảm bảo Hội đồng các cấp làm việc đúng tiến độ thời gian dự kiến theo Kế hoạch này.

- Đảm bảo Lễ công bố quyết định và trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” được tổ chức kịp thời, trang trọng, theo đúng quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Hội đồng cấp cơ sở

- Hội đồng cấp cơ sở do người đứng đầu đơn vị thành lập để xem xét, đánh giá, xét chọn hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” theo quy định.

- Thời gian Hội đồng cấp cơ sở kết thúc nhận hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10: Chậm nhất ngày 20/6/2021.

- Thời gian Hội đồng cấp cơ sở tổ chức họp: Từ ngày 01/7/2021 đến ngày 05/7/2021.

- Hội đồng cấp cơ sở công khai kết quả xét tặng trong thời gian 05 ngày làm việc.



h

- Thời gian Hội đồng cấp cơ sở gửi hồ sơ đến Hội đồng cấp Bộ, tỉnh: Chậm nhất là ngày 15/7/2021 (tính theo dấu bưu điện).

2. Hội đồng cấp Bộ, tỉnh

- Hội đồng cấp Bộ, tỉnh do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương thành lập để xét hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do các Hội đồng cấp cơ sở trình theo quy định.

- Hội đồng cấp Bộ, tỉnh đăng công khai danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” trên phương tiện thông tin thuộc thẩm quyền quản lý trong thời gian 07 ngày làm việc.

- Thời gian Hội đồng cấp Bộ, tỉnh họp: Từ ngày 20/8/2021 đến ngày 27/8/2021.

- Thời gian Hội đồng cấp Bộ, tỉnh gửi hồ sơ lên Hội đồng cấp Nhà nước: Chậm nhất: Ngày 05/9/2021.

3. Hội đồng cấp Nhà nước: Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp Nhà nước được thực hiện qua hai bước:

3.1. Bước 1: Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước

- Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước để xét hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do các Hội đồng cấp Bộ, tỉnh trình.

- Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước đăng công khai danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời gian 15 ngày, kể từ khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của Hội đồng cấp Bộ, tỉnh.

- Thời gian Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước họp: Từ ngày 05/10/2021 đến ngày 30/10/2021.

- Thời gian Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước gửi hồ sơ lên Hội đồng cấp Nhà nước: Chậm nhất ngày 05/11/2021.

3.2. Bước 2: Hội đồng cấp Nhà nước

- Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng cấp Nhà nước xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 do Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước đề nghị.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước. Hội đồng cấp Nhà nước sử dụng con dấu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đăng công khai danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời gian 15 ngày kể từ khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước.

- Thời gian triển khai tổ chức công tác xét tặng: Từ ngày 29/11/2021 đến ngày 10/12/2021.

4. Hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP gửi Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 13/12/2021 đến ngày 20/12/2021.

5. Tổ chức Lễ trao tặng

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Lễ công bố quyết định và trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 sau khi có Quyết định của Chủ tịch nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị nghệ thuật cơ sở

- Có trách nhiệm phổ biến, giới thiệu Nghị định số 89/2014/NĐ-CP và Nghị định số 40/2021/NĐ-CP đến các cá nhân là đối tượng được xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

- Thành lập Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10.

- Tổ chức các phiên họp của Hội đồng cấp cơ sở.

- Trả lời đơn, thư liên quan đến công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp cơ sở (nếu có).

- Hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng cấp Bộ, tỉnh theo quy định.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng cấp tỉnh xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10.

- Có trách nhiệm phổ biến, giới thiệu Nghị định số 89/2014/NĐ-CP và Nghị định số 40/2021/NĐ-CP đến các cá nhân là đối tượng được xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

- Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng cấp tỉnh.

- Tổ chức các phiên họp của Hội đồng cấp tỉnh phố.

- Kiểm tra, thẩm định, tổng hợp hồ sơ, phục vụ công tác xét tặng tại Hội đồng cấp tỉnh.

- Trả lời đơn, thư liên quan đến công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”; tại Hội đồng cấp tỉnh (nếu có).

- Hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng cấp Nhà nước theo quy định.

3. Đơn vị phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Bộ/ngành xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú" lần thứ 10.

- Tham mưu, trình Lãnh đạo Bộ/ngành thành lập Hội đồng cấp Bộ/ngành.

- Tổ chức các phiên họp của Hội đồng cấp Bộ/ngành.

- Kiểm tra, thẩm định, tổng hợp hồ sơ, phục vụ công tác xét tặng tại Hội đồng cấp Bộ/ngành.

- Trả lời đơn, thư liên quan đến công tác xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú"; tại Hội đồng cấp Bộ/ngành (nếu có).

- Hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng cấp Nhà nước theo quy định.

4. Vụ Thi đua, Khen thưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú" lần thứ 10.

- Chủ trì, phối hợp với Cục Nghệ thuật biểu diễn, Cục Điện ảnh Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai thực hiện các công việc sau:

+ Xây dựng Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú" lần thứ 10;

+ Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú" lần thứ 10;

+ Tham mưu thành lập Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú", trong đó Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng;

+ Tham mưu trình Bộ trưởng danh sách dự kiến thành viên của Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước và Hội đồng cấp Nhà nước;

+ Kiểm tra, thẩm định hồ sơ do Hội đồng cấp cơ sở trình lên Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

+ Kiểm tra, thẩm định hồ sơ do Hội đồng cấp Bộ, trình Hội đồng cấp Nhà nước; Tổng hợp hồ sơ, chuẩn bị tài liệu, nội dung phục vụ các phiên họp của Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước và Hội đồng cấp Nhà nước;

+ Trả lời các kiến nghị liên quan đến công tác xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ ưu tú" tại Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước và Hội đồng cấp Nhà nước (nếu có);

+ Tham mưu trình Bộ trưởng về Chương trình tổ chức Lễ công bố quyết định và trao tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú" lần thứ 10;

- Chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Tài chính và Văn phòng Bộ xây dựng định mức kinh phí tổ chức xét tặng tại Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao

và Du lịch, Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước và Hội đồng cấp Nhà nước.

5. Cục Nghệ thuật biểu diễn Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Vụ Thi đua, Khen thưởng triển khai thực hiện các nội dung công việc sau:

- Cử cán bộ tham gia Hội đồng và Tổ Thư ký của Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước, trong đó Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn là Phó Chủ tịch Hội đồng (theo lĩnh vực quản lý nhà nước).

- Cử cán bộ tham gia Tổ Thư ký Hội đồng cấp Nhà nước.

- Đề xuất, giới thiệu những cá nhân có uy tín nghề nghiệp và chuyên môn để tham gia Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước và Hội đồng cấp Nhà nước.

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ của Tổ Thư ký và tổ chức các phiên họp của Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước và Hội đồng cấp Nhà nước đúng tiến độ thời gian quy định.

- Trả lời các kiến nghị liên quan đến chuyên môn trong công tác xét tặng của Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ và Hội đồng cấp Nhà nước (nếu có).

- Phối hợp xây dựng Kế hoạch và tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10.

6. Cục Điện ảnh Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Vụ Thi đua, Khen thưởng triển khai thực hiện các nội dung công việc sau:

- Cử cán bộ tham gia Hội đồng và Tổ Thư ký của Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước, trong đó Cục trưởng Cục Điện ảnh là Phó Chủ tịch Hội đồng (theo lĩnh vực quản lý nhà nước).

- Cử cán bộ tham gia Tổ Thư ký Hội đồng cấp Nhà nước.

- Đề xuất, giới thiệu những cá nhân có uy tín nghề nghiệp và chuyên môn để tham gia Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước và Hội đồng cấp Nhà nước.

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ của Tổ Thư ký và tổ chức các phiên họp của Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước và Hội đồng cấp Nhà nước đúng tiến độ thời gian quy định.

- Trả lời các kiến nghị liên quan đến chuyên môn trong công tác xét tặng của Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ và Hội đồng cấp Nhà nước (nếu có).

- Phối hợp xây dựng Kế hoạch và tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10.



7. Vụ Kế hoạch, Tài chính Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Cử 01 cán bộ tham gia Tổ Thư ký để phối hợp với Vụ Thi đua, Khen thưởng thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến công tác tài chính, phục vụ việc xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10.

8. Văn phòng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Đảm bảo kinh phí tổ chức xét tặng cho Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước và Hội đồng cấp Nhà nước xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10.

- Đảm bảo kinh phí tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10.

- Cử 01 cán bộ tham gia Tổ Thư ký để hỗ trợ, giúp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến công tác tài chính, phục vụ việc xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10.

- Đảm bảo công tác hậu cần phục vụ các phiên họp của Hội đồng cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước và Hội đồng cấp Nhà nước.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí tổ chức các hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và quy định cụ thể tại Điều 7 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP về hoạt động tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”:

1. Hội đồng cấp cơ sở: Do các đơn vị nghệ thuật cơ sở chi trả, thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP.

2. Hội đồng cấp Bộ, tỉnh: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP.

2. Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước và Hội đồng cấp Nhà nước: do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chi trả, thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP và theo quy định của Bộ Tài chính.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị các Cục, Vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10, đảm bảo đúng yêu cầu và tiến độ Kế hoạch đã đề ra./

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”

Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”¹.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

¹ Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021, có cấu trúc ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.”

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với:

- a) Cá nhân hoạt động nghệ thuật tại các đơn vị nghệ thuật cơ sở;
- b) Cá nhân hoạt động nghệ thuật tự do;
- c) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

2. Cá nhân quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Diễn viên: Hát, múa, nhạc, sân khấu, điện ảnh, truyền hình thuộc các lĩnh vực Tuồng; Chèo; Cải lương; Kịch dân ca; Kịch nói; Kịch hình thể; Nhạc kịch; Nhạc vũ kịch; Xiếc; Múa rối; Hát; Múa; Ngâm thơ; Điện ảnh; Truyền hình;

b) Đạo diễn tác phẩm thuộc lĩnh vực: Tuồng; Chèo; Cải lương; Kịch dân ca; Kịch nói; Kịch hình thể; Nhạc kịch; Kịch múa; Nhạc vũ kịch; Xiếc; Múa rối; Chương trình nghệ thuật tổng hợp ca múa nhạc; Điện ảnh và truyền hình (các thể loại phim truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình), sân khấu truyền thanh, truyền hình;

c) Người làm âm thanh trong tác phẩm điện ảnh, truyền hình và sân khấu; người làm ánh sáng sân khấu và chương trình nghệ thuật tổng hợp;

d) Biên đạo múa; chỉ huy dàn nhạc; chỉ huy hợp xướng; chỉ huy giao hưởng nhạc vũ kịch; chỉ đạo nghệ thuật;

đ) Quay phim điện ảnh và truyền hình các thể loại: Phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình;

e) Họa sỹ: Tạo hình con rối; động tác phim hoạt hình; thiết kế trang trí sân khấu; hóa trang, phục trang sân khấu, điện ảnh, truyền hình;

g) Phát thanh viên phát thanh, truyền hình hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

3. Các cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này, do yêu cầu và nhiệm vụ được điều động làm công tác giảng dạy, nghiên cứu, quản lý trong lĩnh vực nghệ thuật, đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định này thì được đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giải Vàng quốc gia là giải Bông Sen Vàng tại Liên hoan phim Việt Nam hoặc giải Huy chương Vàng tại cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.

2. Giải Bạc quốc gia là giải Bông Sen Bạc tại Liên hoan phim Việt Nam hoặc giải Huy chương Bạc tại cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.

3². Thời gian hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp của cá nhân được tính từ khi:

a) Cá nhân tốt nghiệp một trường nghệ thuật chuyên nghiệp đến thời điểm xét hồ sơ tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp cơ sở;

b) Cá nhân đủ 18 tuổi, hoạt động nghệ thuật tại một đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp đến thời điểm xét hồ sơ tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp cơ sở.

Điều 4. Nguyên tắc xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”

1. Không sử dụng thành tích đã được xét tặng các danh hiệu vinh dự nhà nước khác để đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

2. Được thực hiện trên cơ sở tự nguyện.

3. Bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác và công khai.

Điều 5. Thẩm quyền tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổ chức việc xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” (sau đây gọi là Kế hoạch) trước mỗi đợt xét tặng.

Điều 6. Quyền lợi và nghĩa vụ của người được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”

Cá nhân được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” được nhận Huy hiệu, Bằng chứng nhận do Chủ tịch nước tặng và tiền thưởng, được hưởng các quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Kinh phí tổ chức xét tặng và tiền thưởng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”

1. Kinh phí tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” sử dụng để chi cho các hoạt động sau đây:

a) Xây dựng, triển khai Kế hoạch xét tặng danh hiệu tại Hội đồng các cấp;

b) Trả thù lao cho các thành viên Hội đồng các cấp, thư ký và việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng Danh hiệu;

c) Tổ chức phiên họp Hội đồng các cấp;

d) Công bố thông tin về kết quả xét tặng của Hội đồng các cấp trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến nhân dân;

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

- d) Hợp báo công bố kết quả của Hội đồng các cấp;
- e) Tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;
- g) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Mức chi cụ thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí tổ chức xét tặng và tiền thưởng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” được quy định như sau:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm bố trí kinh phí cho các hoạt động tổ chức xét tặng của Hội đồng cấp Nhà nước; tổ chức lễ trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” và các chi phí liên quan khác theo quy định của pháp luật;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm bố trí kinh phí cho các hoạt động xét tặng của Hội đồng cấp cơ sở và Hội đồng cấp Bộ, tỉnh;

c) Tiền thưởng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” được bố trí trong kinh phí của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Chương II

TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ SĨ NHÂN DÂN”, NGHỆ SĨ ƯU TÚ”

Điều 8. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”³

Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định này đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương.

2. Có phẩm chất đạo đức, gương mẫu trong cuộc sống, tận tụy với nghề; có tài năng nghệ thuật xuất sắc, tiêu biểu cho loại hình, ngành, nghề nghệ thuật; có uy tín nghề nghiệp; được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ.

3. Có thời gian hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp liên tục hoặc cộng dồn từ 20 năm trở lên; riêng đối với loại hình nghệ thuật Xiếc, Múa có thời gian hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp liên tục hoặc cộng dồn từ 15 năm trở lên.

4. Đã được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” và sau đó đạt một trong các tiêu chí sau:

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

a) Có ít nhất 02 giải Vàng quốc gia (trong đó có 01 giải Vàng là của cá nhân).

Các giải Vàng trong nước hoặc quốc tế của cá nhân hoặc của bộ phim, chương trình, vở diễn, tiết mục được quy đổi để tính thành tích cho cá nhân theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Có ít nhất 03 giải Vàng quốc gia (nếu không có 01 giải Vàng là của cá nhân).

Các giải Vàng trong nước hoặc quốc tế của cá nhân hoặc của bộ phim, chương trình, vở diễn, tiết mục được quy đổi để tính thành tích cho cá nhân theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Có cống hiến nổi trội, có tài năng nghệ thuật xuất sắc, thiếu giải thưởng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này nhưng được Hội đồng các cấp thảo luận, đánh giá là trường hợp đặc biệt, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong trường hợp cụ thể sau:

- Nghệ sĩ là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi, có nhiều cống hiến, đóng góp trong lĩnh vực nghệ thuật;

- Nghệ sĩ tích cực tham gia nhiều hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị lớn của địa phương và đất nước;

- Nghệ sĩ là giảng viên các trường đào tạo văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp, đào tạo nhiều thế hệ sinh viên tham gia đạt các giải thưởng cao tại các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp quốc tế.

Điều 9. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”⁴

Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định này đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương.

2. Có phẩm chất đạo đức, gương mẫu trong cuộc sống, tận tụy với nghề; có tài năng nghệ thuật xuất sắc; có uy tín nghề nghiệp; được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ.

3. Có thời gian hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp liên tục hoặc cộng dồn từ 15 năm trở lên; riêng đối với loại hình nghệ thuật Xiếc, Múa có thời gian hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp liên tục hoặc cộng dồn từ 10 năm trở lên.

4. Đạt một trong các tiêu chí sau:

a) Có ít nhất 02 giải Vàng quốc gia (trong đó có 01 giải Vàng là của cá nhân).

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

Các giải Vàng trong nước hoặc quốc tế của cá nhân hoặc của bộ phim, chương trình, vở diễn, tiết mục được quy đổi để tính thành tích cho cá nhân theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Có ít nhất 01 giải Vàng quốc gia và 02 giải Bạc quốc gia (trong đó có 01 giải Vàng là của cá nhân).

Các giải Vàng trong nước hoặc quốc tế của cá nhân hoặc của bộ phim, chương trình, vở diễn, tiết mục được quy đổi để tính thành tích cho cá nhân theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Tỷ lệ quy đổi các giải Bạc trong nước và quốc tế của cá nhân hoặc của bộ phim, chương trình, vở diễn, tiết mục sang giải Bạc quốc gia được tính như tỷ lệ quy đổi của giải Vàng.

c) Có ít nhất 03 giải Vàng quốc gia (nếu không có 01 giải Vàng là của cá nhân).

Các giải Vàng trong nước hoặc quốc tế của cá nhân hoặc của bộ phim, chương trình, vở diễn, tiết mục được quy đổi để tính thành tích cho cá nhân theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Có công hiến nổi trội, tài năng nghệ thuật xuất sắc, thiếu giải thưởng theo quy định tại điểm a, b và điểm c khoản này nhưng được Hội đồng các cấp thảo luận, đánh giá là trường hợp đặc biệt, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong trường hợp cụ thể sau:

- Nghệ sĩ là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi, có nhiều công hiến, đóng góp trong lĩnh vực nghệ thuật;

- Nghệ sĩ tích cực tham gia nhiều hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị lớn của địa phương và đất nước;

- Nghệ sĩ là giảng viên các trường đào tạo văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp, đào tạo nhiều thế hệ sinh viên tham gia đạt các giải thưởng cao tại các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp quốc tế.

Chương III **THỦ TỤC XÉT TẶNG DANH HIỆU** **“NGHỆ SĨ NHÂN DÂN”, “NGHỆ SĨ ƯU TÚ”**

Điều 10. Thời gian xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”

Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng và công bố 03 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

Điều 11. Quy trình xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”

Việc xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” được thực hiện qua 3 cấp Hội đồng như sau:

w

1⁵. Hội đồng cấp cơ sở tại đơn vị nghệ thuật cơ sở do người đứng đầu đơn vị thành lập bao gồm: Nhà hát, Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc các Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Học viện, trường đào tạo nghệ thuật, hãng phim thuộc các Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có chức năng nghiên cứu, đào tạo, sáng tạo nghệ thuật; Cục Điện ảnh, Cục Nghệ thuật biểu diễn thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Cục công tác Đảng và công tác chính trị thuộc Bộ Công an; Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam thuộc Bộ Quốc phòng; cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đài Phát thanh, Đài Truyền hình, Đài Phát thanh - Truyền hình cấp tỉnh.

2. Hội đồng cấp Bộ tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an do các Bộ trưởng thành lập; tại Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam do Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam thành lập hoặc Hội đồng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

3. Hội đồng cấp Nhà nước thực hiện qua hai bước:

a) Bước 1: Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập theo từng lĩnh vực nghệ thuật: Âm nhạc, Điện ảnh, Sân khấu, Múa, Phát thanh, Truyền hình;

b) Bước 2: Hội đồng cấp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 12. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng các cấp

1. Hội đồng được thành lập theo từng đợt xét tặng và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Cá nhân đang là đối tượng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” không tham gia các cấp Hội đồng.

3. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, công khai và bỏ phiếu kín.

4⁶. Hội đồng tổ chức phiên họp khi có mặt ít nhất 90% thành viên Hội đồng, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền.

5. Hội đồng xem xét, đánh giá về từng cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Nghị định này.

⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

6. Hội đồng cấp trên chi tiếp nhận và xem xét các hồ sơ do Hội đồng cấp dưới trình theo thủ tục quy định tại các điều 14, 15 và 16 của Nghị định này.

Điều 13. Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”

1. Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” và “Nghệ sĩ ưu tú” gồm:

a) Bản kê khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” và “Nghệ sĩ ưu tú” theo mẫu số 1a và mẫu số 1b tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b)⁷ Các quyết định tặng giải thưởng quy định tại khoản 4 Điều 8 hoặc khoản 4 Điều 9 của Nghị định này: Nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện).

c) Bản xác nhận của cơ quan tổ chức cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp về sự tham gia của cá nhân trong các tác phẩm nghệ thuật đạt giải Vàng hoặc Bạc dùng để quy đổi khi tính thành tích cho cá nhân tham gia quy định tại khoản 4 Điều 8 hoặc khoản 4 Điều 9 của Nghị định này (nếu có);

d) Bản sao các Quyết định về danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (nếu có).

2. Cá nhân hoạt động nghệ thuật tại các đơn vị nghệ thuật cơ sở gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến đơn vị nghệ thuật cơ sở nơi cá nhân đó công tác theo thời gian quy định trong Kế hoạch.

3⁸. Cá nhân hoạt động nghệ thuật tự do gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cá nhân đó cư trú theo thời gian nêu trong Kế hoạch.

Điều 14. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp cơ sở

1. Hội đồng cấp cơ sở có từ 05 đến 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu đơn vị. Trường hợp người đứng đầu đơn vị là đối tượng đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” hoặc “Nghệ sĩ ưu tú” thì cấp phó phụ trách nghệ thuật của đơn vị là Chủ tịch Hội đồng.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là cấp phó phụ trách nghệ thuật của đơn vị;

Trường hợp người đứng đầu đơn vị và cấp phó phụ trách nghệ thuật của đơn vị là đối tượng đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, Nghệ sĩ ưu

⁷ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

⁸ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

tú” thì đơn vị phải báo cáo cấp trên trực tiếp bằng văn bản để cử người thay thế Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng.

c) Thành viên Hội đồng bao gồm đại diện có uy tín về chuyên ngành nghệ thuật, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, người phụ trách công tác tổ chức, người phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị.

Hội đồng sử dụng con dấu của đơn vị. Hội đồng có Tổ Thư ký do Chủ tịch Hội đồng thành lập.

2. Trách nhiệm của Hội đồng cấp cơ sở:

a) Xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” theo quy định;

b) Thông báo công khai kết quả xét tặng trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ;

c) Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả;

d) Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” đạt từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp gửi cơ quan thường trực Hội đồng cấp Bộ, tỉnh theo thời gian nêu trong Kế hoạch.

3. Hội đồng cấp cơ sở gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Bộ, tỉnh. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” theo Mẫu số 2a và Mẫu số 2b tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” theo Mẫu số 3a và Mẫu số 3b tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Biên bản họp Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” theo Mẫu số 4a và Mẫu số 4b tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Biên bản kiểm phiếu bầu xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” theo Mẫu số 5a và Mẫu số 5b tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Báo cáo quá trình xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” theo Mẫu số 6a và Mẫu số 6b tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Quyết định thành lập Hội đồng cấp cơ sở xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

g) Hồ sơ cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị định này;

⁹ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

h)¹⁰ Bản nhận xét của Hội đồng đối với cá nhân được xem xét, đánh giá là trường hợp đặc biệt.

Điều 15. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp Bộ, tỉnh

1¹¹. Hội đồng cấp Bộ có từ 09 đến 11 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng, lãnh đạo Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam;

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng là Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Trưởng Phòng Thi đua, Khen thưởng Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và người đứng đầu đơn vị quản lý hoạt động nghệ thuật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam;

c)¹² Thành viên Hội đồng bao gồm: Đơn vị phụ trách công tác tổ chức thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam; chuyên gia về lĩnh vực nghệ thuật; Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú.

Hội đồng sử dụng con dấu của Bộ, ngành nơi thành lập Hội đồng cấp Bộ.

Vụ Thi đua, Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hoặc Phòng (Ban) Thi đua, Khen thưởng thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam là cơ quan thường trực của Hội đồng. Hội đồng có Tổ Thư ký do Chủ tịch Hội đồng thành lập.

2¹³. Hội đồng cấp tỉnh có từ 09 đến 11 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

¹⁰ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

¹¹ Tên khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

¹² Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

¹³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Ban Tuyên giáo tỉnh, thành ủy, Giám đốc hoặc Phó Giám đốc phụ trách nghệ thuật của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Thành viên Hội đồng bao gồm: Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Hội Văn học, nghệ thuật tỉnh; chuyên gia về các chuyên ngành nghệ thuật; Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú của tỉnh.

Hội đồng sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là cơ quan thường trực của Hội đồng. Hội đồng có Tổ Thư ký do Chủ tịch Hội đồng thành lập.

3¹⁴. Trách nhiệm của Hội đồng cấp Bộ, tỉnh:

a) Đăng công khai danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” trên phương tiện thông tin thuộc thẩm quyền quản lý: Cổng thông tin điện tử hoặc Báo ngành, địa phương trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của Hội đồng cấp cơ sở;

b) Xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” theo quy định;

c) Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả;

d) Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” đạt từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp gửi cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước theo thời gian nêu trong Kế hoạch.

4. Hội đồng cấp Bộ, tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và điểm g khoản 3 Điều 14 của Nghị định này;

b) Quyết định thành lập Hội đồng cấp Bộ, tỉnh xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

c)¹⁵ Ý kiến bằng văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ban Cán sự Đảng các Bộ, ngành về các hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” thuộc thẩm quyền quản lý tại địa phương, Bộ, ngành;

¹⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

¹⁵ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

d)¹⁶ Bản nhận xét của Hội đồng đối với cá nhân được xem xét, đánh giá là trường hợp đặc biệt.

Điều 16. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp Nhà nước

Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp Nhà nước được thực hiện qua hai bước như sau:

1. Bước 1 tại Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước theo từng lĩnh vực:

a)¹⁷ Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước theo từng lĩnh vực có từ 11 đến 15 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng và Cục trưởng Cục Điện ảnh hoặc Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thành viên Hội đồng bao gồm: Ban Tuyên giáo Trung ương (Vụ Văn hóa văn nghệ), các Hội Văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương, chuyên gia về chuyên ngành nghệ thuật, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú.

b) Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước sử dụng con dấu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Vụ Thi đua, Khen thưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thường trực của Hội đồng. Hội đồng có Tổ Thư ký do Chủ tịch Hội đồng thành lập.

c)¹⁸ Trách nhiệm của Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước:

- Đăng công khai danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời gian 15 ngày kể từ khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của Hội đồng cấp Bộ, tỉnh;

- Xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” theo quy định;

¹⁶ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

¹⁷ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

¹⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

- Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả;

- Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” đạt từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp gửi cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước theo thời gian nêu trong Kế hoạch.

d)¹⁹ Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước. Hồ sơ gồm:

- Văn bản quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và điểm g khoản 3 Điều 14 của Nghị định này;

- Bản nhận xét của Hội đồng đối với cá nhân được xem xét, đánh giá là trường hợp đặc biệt;

- Quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú.”

2. Bước 2 tại Hội đồng cấp Nhà nước:

a)²⁰ Hội đồng cấp Nhà nước có từ 17 đến 21 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương, Lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;

- Thành viên Hội đồng bao gồm: Lãnh đạo Bộ Công an, Vụ Thi đua, Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, các Hội Văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương, chuyên gia về các chuyên ngành nghệ thuật, Nghệ sĩ nhân dân.

b) Hội đồng cấp Nhà nước sử dụng con dấu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thường trực của Hội đồng. Hội đồng có Tổ thư ký do Chủ tịch Hội đồng thành lập.

c)²¹ Trách nhiệm của Hội đồng cấp Nhà nước:

¹⁹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

²⁰ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

²¹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

h

- Đăng công khai danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời gian 15 ngày kể từ khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước;

- Xem xét, đánh giá và bỏ phiếu lựa chọn cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” theo quy định;

- Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả;

- Hoàn thiện hồ sơ đủ điều kiện xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” đạt từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

d)²² Hội đồng cấp Nhà nước gửi Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương 03 bộ hồ sơ để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ theo thời gian nêu trong Kế hoạch. Hồ sơ gồm:

- Văn bản quy định tại các điểm a, b, c, d và điểm đ khoản 3 Điều 14 của Nghị định này;

- Bản nhận xét của Hội đồng đối với cá nhân được xem xét, đánh giá là trường hợp đặc biệt;

- Tóm tắt thành tích cá nhân có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng cấp Nhà nước;

- Quyết định thành lập Hội đồng cấp Nhà nước xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH²³

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức

²² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

²³ Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này”.

✓

thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. *h*

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

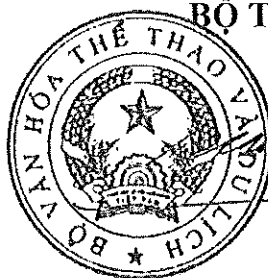
Số: 1453/VBHN-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2021

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Công báo VPCP (để đăng tải);
- Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ (để đăng tải);
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ (để đăng tải);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Sở VHTTDL, Sở VHTT;
- Lưu: VT, TĐKT, TKV (200).



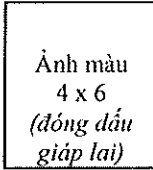
anh
Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục I

**MỘT SỐ BIỂU MẪU TRONG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG
DANH HIỆU “NGHỆ SĨ NHÂN DÂN”, “NGHỆ SĨ ƯU TÚ”**

*(Kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP
ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ)*

Mã số	Mẫu biểu
Mẫu số 1a	Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”
Mẫu số 1b	Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”
Mẫu số 2a	Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”
Mẫu số 2b	Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”
Mẫu số 3a	Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”
Mẫu số 3b	Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”
Mẫu số 4a	Biên bản họp Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”
Mẫu số 4b	Biên bản họp Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”
Mẫu số 5a	Biên bản kiểm phiếu bầu xét tặng chọn danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”
Mẫu số 5b	Biên bản kiểm phiếu bầu xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”
Mẫu số 6a	Báo cáo quá trình xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”
Mẫu số 6b	Báo cáo quá trình xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”
Mẫu số 7a	Phiếu bầu xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”
Mẫu số 7b	Phiếu bầu xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ
 XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ SĨ NHÂN DÂN”**

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên (khai sinh): Giới tính:.....
2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh:.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:.....
4. Số Chứng minh nhân dân:Ngày cấpNơi cấp:.....
5. Dân tộc:.....
6. Nguyên quán:.....
7. Hộ khẩu thường trú:.....
8. Đơn vị công tác:.....
9. Chức vụ hiện nay:.....
10. Trình độ đào tạo:chuyên ngành:.....
11. Chức danh nghệ thuật làm lâu nhất (từ 20 năm trở lên; nghệ thuật Xiếc, Múa từ 15 năm trở lên) đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (yêu cầu ghi cụ thể chức danh đề nghị xét tặng danh hiệu).....
12. Năm tham gia công tác:.....
13. Năm tham gia hoạt động nghệ thuật:.....
14. Năm được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.....
15. Điện thoại nhà riêng:Điện thoại di động:.....
- Địa chỉ e-mail:.....
16. Địa chỉ liên hệ:

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Kê khai về quá trình công tác (chức vụ, nơi công tác) và thời gian trực tiếp làm nghệ thuật (các chức danh nghệ thuật trong từng giai đoạn) đặc biệt là thời gian từ sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” đến nay:

Thời gian (Từ tháng, năm... đến tháng, năm...)	Cơ quan công tác	Nghề nghiệp, chức danh nghệ thuật, chức vụ
...		

III. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” đến thời điểm nộp hồ sơ

1. Khen thưởng chung (Nêu các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua từ cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên)

Năm	Hình thức khen thưởng	Cơ quan quyết định khen thưởng
...		

2. Khen thưởng về nghệ thuật (Nêu tên giải thưởng chính thức tại các Liên hoan nghệ thuật, Hội diễn nghệ thuật; tên tác phẩm được giải thưởng; chức danh của cá nhân tham gia vở diễn, chương trình nghệ thuật và bộ phim được giải thưởng)

Năm	Tên Giải thưởng	Tên tác phẩm được giải	Cơ quan quyết định tặng Giải thưởng	Chức danh cá nhân tham gia tác phẩm (đối với tác phẩm nghệ thuật tập thể)
...				

IV. KỶ LUẬT (Nêu các hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên về Đảng, Chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội kèm theo bản sao quyết định):

.....

Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật./.

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị
(đối với nghệ sĩ thuộc đơn vị nghệ thuật)
(ký tên, đóng dấu)

(địa danh), ngày..... tháng..... năm....
 Người khai
(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND phường (xã) nơi cá nhân có hộ khẩu thường trú
(đối với nghệ sĩ tự do hoặc nghệ sĩ đã nghỉ hưu)
(ký tên, đóng dấu)

2

Ảnh màu
4 x 6
(đóng dấu
giáp lại)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ
XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ SĨ ƯU TÚ”

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên (khai sinh): Giới tính:.....
2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh:.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:.....
4. Số Chứng minh nhân dân:Ngày cấp
- Nơi cấp:.....
5. Dân tộc:.....
6. Nguyên quán:.....
7. Hộ khẩu thường trú:.....
8. Đơn vị công tác:.....
9. Chức vụ hiện nay:.....
10. Trình độ đào tạo:chuyên ngành:.....
11. Chức danh nghệ thuật làm lâu nhất (từ 15 năm trở lên; nghệ thuật Xiếc, Múa từ 10 năm trở lên) đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (ghi rõ chức danh nghệ thuật đề nghị xét tặng danh hiệu).....
12. Năm tham gia công tác:.....
13. Năm tham gia hoạt động nghệ thuật:.....
14. Điện thoại gia đình, cá nhân: (Số di động; Email).....
15. Địa chỉ liên hệ:

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Kê khai về quá trình công tác (chức vụ, nơi công tác) và thời gian trực tiếp làm nghệ thuật (các chức danh nghệ thuật trong từng giai đoạn).

Thời gian (Từ tháng, năm... đến tháng, năm...)	Cơ quan công tác	Nghề nghiệp, chức danh nghệ thuật, chức vụ

III. KHEN THƯỞNG

1. Khen thưởng chung (Nêu các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua từ cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên)

Năm	Hình thức khen thưởng	Cơ quan quyết định khen thưởng

2. Khen thưởng về nghệ thuật (Nêu tên giải thưởng chính thức tại các Liên hoan nghệ thuật, Hội diễn nghệ thuật; tên tác phẩm được giải thưởng; chức danh của cá nhân tham gia vở diễn, chương trình nghệ thuật và bộ phim được giải thưởng):

Năm	Tên Giải thưởng	Tên tác phẩm được giải	Cơ quan quyết định tặng Giải thưởng	Chức danh cá nhân tham gia tác phẩm (đối với tác phẩm nghệ thuật tập thể)

IV. KỶ LUẬT (Nêu các hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên về Đảng, Chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội kèm theo bản sao quyết định):

.....

Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật./.

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị
 (đối với nghệ sĩ thuộc đơn vị nghệ thuật)
 (ký tên, đóng dấu)

(địa danh), ngày..... tháng..... năm....
 Người khai
 (ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND phường (xã) nơi cá nhân có hộ khẩu thường trú
 (đối với nghệ sĩ tự do hoặc nghệ sĩ đã nghỉ hưu)
 (ký tên, đóng dấu)

Handwritten mark

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND, NSƯT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đơn vị: (cấp xét)
Bộ, Tỉnh:

(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”

Kính gửi: Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”¹.....

1. Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

2. Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”.....², Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân.....³ đã họp vào ngày.... tháng.... năm.... để xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân cho:người.

3. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”.....² đề nghị Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”.....¹ xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” cho:người.

Kính trình Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.....¹ xem xét, quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**
(chữ ký, dấu của đơn vị)

(Chức danh)
Họ và tên

Ghi chú: (1): Hội đồng cấp trên trực tiếp.

(2): Hội đồng cấp dưới trực tiếp.

(3): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

Handwritten mark

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND, NSUT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đơn vị: (cấp xét)
Bộ, Tỉnh:

(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”

Kính gửi: Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”¹.....

1. Căn cứ Nghị định số ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

2. Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.....², Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.....³ đã họp vào ngày....tháng.... năm....để xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” cho:người.

3. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.....² đề nghị Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.....¹ xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”:người.

Kính trình Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.....¹ xem xét, quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**
(chữ ký, dấu của đơn vị)

(Chức danh)
Họ và tên

Ghi chú: (1): Hội đồng cấp trên trực tiếp.

(2): Hội đồng cấp dưới trực tiếp.

(3): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

h

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND, NSUT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đơn vị: (cấp xét):
Bộ, Tỉnh:

(địa danh), ngày ... tháng ... năm

DANH SÁCH

Đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” năm

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Năm được phong tặng NSUT	Tên các giải thưởng và năm được tặng (sau khi được phong danh hiệu NSUT)	Số phiếu đồng ý				Ghi chú
		Nam	Nữ						Hội đồng cấp cơ sở	Hội đồng cấp Bộ, tỉnh	Hội đồng cấp Nhà nước		
											Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước	Hội đồng cấp Nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(chữ ký, dấu của đơn vị)

(Chức danh)
Họ và tên

h

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND, NSƯT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đơn vị: (cấp xét):
Bộ, Tỉnh:

(địa danh), ngày ... tháng ... năm

DANH SÁCH

Đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” năm

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Số năm hoạt động nghệ thuật	Tên các giải thưởng và năm được tặng thưởng	Số phiếu đồng ý				Ghi chú
		Nam	Nữ						Hội đồng cấp cơ sở	Hội đồng cấp Bộ, tỉnh	Hội đồng cấp Nhà nước		
											Hội đồng chuyên ngành cấp nhà nước	Hội đồng cấp Nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**
(chữ ký, dấu của đơn vị)

(Chức danh)
Họ và tên

2

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND, NSUT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đơn vị: (cấp xét)
Bộ, Tỉnh:

(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN HỌP

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.....¹ được thành lập theo Quyết định số .../..... ngày...tháng...năm...của.....

Hội đồng đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể vào ngày.....tháng....năm.... để xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”.

Tổng số thành viên trong Hội đồng theo quyết định:người

Số thành viên Hội đồng tham gia dự họp:người, gồm:

.....
.....

Số thành viên Hội đồng không dự họp:người, gồm:

.....
.....

(Nêu lý do vắng mặt)

- Khách mời tham dự họp Hội đồng: Ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác (nếu có).

.....
.....

- Thư ký Hội đồng:.....

NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Hội đồng đã nghe Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Hội đồng báo cáo về danh sách, kết quả đánh giá việc đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.....² bao gồm:

Số lượng người đề nghị xét tặng:

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận, đánh giá về thành tích và tiêu chuẩn của từng trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”.

(ghi tóm tắt cơ bản các ý kiến của thành viên Hội đồng).

3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban:.....

- Ủy viên:.....

4. Hội đồng đã bỏ phiếu kín, Ban kiểm phiếu làm việc theo đúng quy định (có biên bản kiểm phiếu kèm theo).

5. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

- Các trường hợp đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, gồm:

STT	Họ và tên (Ông/bà)	Chức vụ, nơi công tác	Số phiếu đạt	Tỷ lệ %
1				
2				
...				

- Các trường hợp không đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” gồm:

STT	Họ và tên (Ông/bà)	Chức vụ, nơi công tác	Số phiếu đạt	Tỷ lệ %
1				
2				
...				

Cuộc họp kết thúc vào hồi giờ... ngày ... tháng ... năm ...

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

u

Ghi chú:

(1): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

(2): Hội đồng cấp dưới trực tiếp.

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND, NSUT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đơn vị: (cấp xét)
Bộ, Tỉnh:

(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN HỌP
Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”¹ được thành lập theo Quyết định số/..... ngày ... tháng ... năm ... của

Hội đồng đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể vào... ngày... tháng... năm... để xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.

Tổng số thành viên trong Hội đồng theo quyết định:người

Số thành viên Hội đồng tham gia dự họp:người, gồm:

.....
.....

Số thành viên Hội đồng không dự họp:người, gồm:

.....
.....

(Nêu lý do vắng mặt)

- Khách mời tham dự họp Hội đồng: Ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác (nếu có).

.....
.....

- Thư ký Hội đồng:.....

NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Hội đồng đã nghe Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Hội đồng báo cáo về danh sách, kết quả đánh giá việc đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.....² bao gồm:

Số lượng người đề nghị xét tặng:.....

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận, đánh giá về thành tích và tiêu chuẩn của từng trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.

(ghi tóm tắt cơ bản các ý kiến của thành viên Hội đồng).

3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban:.....

- Ủy viên:.....

4. Hội đồng đã bỏ phiếu kín, Ban kiểm phiếu làm việc theo đúng quy định (có biên bản kiểm phiếu kèm theo).

5. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

- Các trường hợp đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”,
gồm:

STT	Họ và tên (Ông/bà)	Chức vụ, nơi công tác	Số phiếu đạt	Tỷ lệ %
1				
2				
...				

- Các trường hợp không đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”
gồm:

STT	Họ và tên (Ông/bà)	Chức vụ, nơi công tác	Số phiếu đạt	Tỷ lệ %
1				
2				
...				

Cuộc họp kết thúc vào hồi giờ... ngày ... tháng ... năm ...

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

(2): Hội đồng cấp dưới trực tiếp.

a

HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND, NSUT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: (cấp xét)

(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Bộ, Tỉnh:

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU
Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.....¹ được thành lập theo Quyết định số/..... ngày ... tháng ... năm ... của

Hội đồng đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể vào.... ngày.... tháng.... năm.....

1. Tổng số thành viên trong Hội đồng theo quyết định:người

a) Số thành viên Hội đồng tham gia dự họp:người, gồm:

b) Số thành viên Hội đồng vắng mặt:người, gồm:

c) Số thành viên tham gia bỏ phiếu:người

2. Ban kiểm phiếu gồm:

- Trưởng ban:.....

- Ủy viên:.....

3. Số phiếu đánh giá

- Số phiếu phát ra:phiếu

- Số phiếu thu về:phiếu

- Số phiếu hợp lệ:phiếu

- Số phiếu không hợp lệ:phiếu

4. Kết quả kiểm phiếu bầu danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”

(Ghi đủ số lượng trong danh sách bỏ phiếu, xếp theo thứ tự số phiếu từ cao xuống thấp; tỷ lệ % = số phiếu đạt/tổng số thành viên trong Quyết định thành lập Hội đồng).

STT	Họ và tên (Ông/bà)	Chức vụ, nơi công tác	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1				
2				
...				

5. Kết luận

Căn cứ vào kết quả phiếu bầu của các thành viên Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”.....¹, đề nghị Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”.....² xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân cho:người (có danh sách kèm theo).

(Ghi số lượng người đạt phiếu bầu danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” đạt tỷ lệ từ 80% số phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp).

STT	Họ và tên (Ông/bà)	Chức vụ, nơi công tác	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1				
2				
...				

Biên bản kiểm phiếu được làm vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

ỦY VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

(2): Hội đồng cấp trên trực tiếp.

Handwritten mark

HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND, NSUT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: (cấp xét)
Bộ, Tỉnh:

(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU
Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.....¹ được thành lập theo Quyết định số/..... ngày... tháng...năm..... của

Hội đồng đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể vào ngày ... tháng năm ...

1. Tổng số thành viên trong Hội đồng theo quyết định:người

a) Số thành viên Hội đồng tham gia dự họp:người, gồm:

b) Số thành viên Hội đồng vắng mặt:người, gồm:

c) Số thành viên tham gia bỏ phiếu:người

2. Ban kiểm phiếu gồm:

- Trưởng ban:.....

- Ủy viên:.....

3. Số phiếu đánh giá:

- Số phiếu phát ra:phiếu

- Số phiếu thu về:phiếu

- Số phiếu hợp lệ:phiếu

- Số phiếu không hợp lệ:phiếu

4. Kết quả kiểm phiếu bầu danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”

(Ghi đủ số lượng trong danh sách bỏ phiếu, xếp theo thứ tự số phiếu từ cao xuống thấp; tỷ lệ % = số phiếu đạt/tổng số thành viên trong Quyết định thành lập Hội đồng).

STT	Họ và tên (Ông/bà)	Chức vụ, nơi công tác	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1				
2				
...				

h

5. Kết luận

Căn cứ vào kết quả phiếu bầu của các thành viên Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.....¹, đề nghị Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.....² xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú cho:người (có danh sách kèm theo).

(Ghi số lượng người đạt phiếu bầu danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” đạt tỷ lệ từ 80% số phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp).

STT	Họ và tên (Ông/bà)	Chức vụ, nơi công tác	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1				
2				
...				

Biên bản kiểm phiếu được làm vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

ỦY VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

(2): Hội đồng cấp trên trực tiếp.

h

HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND, NSƯT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: (cấp xét)
Bộ, Tỉnh:

(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
Quá trình xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.....¹ đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể ngày....tháng.... năm....để xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”.

Trong quá trình xét, Hội đồng đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước và của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”; đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn và quy trình xét chọn.

Sau khi xem xét thành tích của từng cá nhân, đối chiếu với tiêu chuẩn quy định, Hội đồng đã tiến hành đánh giá, bỏ phiếu kín.

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, đề nghị Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.....² xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” cho:người, danh sách như sau:

STT	Họ và tên (Ông/bà)	Chức vụ, nơi công tác	Số phiếu đạt	Tỷ lệ %
1				
2				
...				

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(chữ ký, dấu của đơn vị)

(Chức danh)
Họ và tên

Ghi chú:

(1): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

(2): Hội đồng cấp trên trực tiếp.

h

HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND, NSUT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: (cấp xét)
Bộ, Tỉnh:

(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
Quá trình xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.....¹ đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể ngày....tháng.... năm.... để xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.

Trong quá trình xét, Hội đồng đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước và của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”; đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn và quy trình xét chọn.

Sau khi xem xét thành tích của từng cá nhân, đối chiếu với tiêu chuẩn quy định, Hội đồng đã tiến hành đánh giá, bỏ phiếu kín.

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, đề nghị Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.....² xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” cho:người, danh sách như sau:

STT	Họ và tên (Ông/bà)	Chức vụ, nơi công tác	Số phiếu đạt	Tỷ lệ %
1				
2				
...				

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(chữ ký, dấu của đơn vị)

(Chức danh)
Họ và tên

Ghi chú:

(1): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

(2): Hội đồng cấp trên trực tiếp.

✓

HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND, NSUT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: (cấp xét)
Bộ, Tỉnh:

(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU BẦU

Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”

(Đồng ý, không đồng ý, đề nghị thành viên Hội đồng đánh dấu X vào ô tương ứng).

STT	Họ và tên, chức danh, đơn vị công tác	Ý kiến của thành viên Hội đồng xét tặng danh hiệu NSND-NSUT	
		Đồng ý	Không đồng ý
1			
2			
3			
4			
5			
6			
...			

Thành viên Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

u

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND, NSUT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: (cấp xét)
Bộ, Tỉnh:

(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU BẦU

Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”

(Đồng ý, không đồng ý, đề nghị thành viên Hội đồng đánh dấu X vào ô tương ứng).

STT	Họ và tên, chức danh, đơn vị công tác	Ý kiến của thành viên Hội đồng xét tặng danh hiệu NSND-NSUT	
		Đồng ý	Không đồng ý
1			
2			
3			
4			
5			
6			
...			

Thành viên Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

h

PHỤ LỤC II²⁴
BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG
*(Kèm theo Nghị định số 40/2021/NĐ-CP
ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

I. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH

1. Lấy Bông Sen Vàng - Giải thưởng chính thức của Liên hoan phim quốc gia (Liên hoan phim Việt Nam) làm chuẩn để quy đổi.

2. Chỉ quy đổi sang Bông Sen Vàng đối với:

- Cánh Diều Vàng - Giải thưởng chính thức của Hội Điện ảnh Việt Nam;
- Huy chương Vàng - Giải thưởng chính thức của Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc;
- Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo tại Liên hoan phim quốc tế dành cho bộ phim và dành cho cá nhân;
- Giải xuất sắc dành cho cá nhân tại Liên hoan Phim Việt Nam, Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân của Hội Điện ảnh Việt Nam và Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc.

3. Tỷ lệ quy đổi cụ thể như sau:

TT	Liên hoan, Cuộc thi chuyên ngành đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông sen Vàng
1	Giải xuất sắc dành cho cá nhân tại Liên hoan phim Việt Nam	= 01 Bông Sen Vàng
2	Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo dành cho bộ phim tại Liên hoan phim quốc tế	= 01 Bông Sen Vàng
3	Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo dành cho cá nhân tại Liên hoan phim quốc tế	= 01 Bông Sen Vàng
4	Cánh Diều Vàng dành cho bộ phim - Giải thưởng chính thức của Hội Điện ảnh Việt Nam	= 2/3 Bông Sen Vàng
5	Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân - Giải của Hội Điện ảnh Việt Nam	= 2/3 Bông Sen Vàng

²⁴ Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Phụ lục II về Bảng quy đổi giải thưởng ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021.

TT	Liên hoan, Cuộc thi chuyên ngành đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông sen Vàng
6	Huy chương Vàng dành cho bộ phim - Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc	= 1/2 Bông Sen Vàng
7	Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân - Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc	= 1/2 Bông Sen Vàng

4. Một bộ phim được tặng giải Bông Sen Vàng, các thành phần tham gia được tính quy đổi như sau:

TT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông sen Vàng
1	Đạo diễn	= 01 Bông Sen Vàng
2	Quay phim chính	= 1/2 Bông Sen Vàng
3	Họa sĩ thiết kế	= 1/2 Bông Sen Vàng
4	Đạo diễn âm thanh; Người làm âm thanh chính	= 1/2 Bông Sen Vàng
5	Diễn viên chính (có tên trong Bảng phân vai)	= 1/2 Bông Sen Vàng
6	Họa sĩ chính (phim hoạt hình)	= 1/2 Bông Sen Vàng
7	Họa sĩ động tác (phim hoạt hình)	= 1/2 Bông Sen Vàng
8	Diễn viên thứ chính (có tên trong Bảng phân vai)	= 1/3 Bông Sen Vàng
9	Họa sĩ hóa trang, thiết kế phục trang	= 1/3 Bông Sen Vàng

Đối với các bộ phim được tặng giải Cánh Diều Vàng, Huy chương Vàng tại Liên hoan Phim do các Bộ, ngành, Hội Điện ảnh Việt Nam tổ chức, việc quy đổi giải thưởng cho các phần tham gia nêu trên sẽ thực hiện theo tỷ lệ quy đổi quy định tại mục 3 của Bảng quy đổi giải thưởng lĩnh vực Điện ảnh.

5. Giải thưởng của tập thể, cá nhân không thông qua các Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp thì không được tính quy đổi.

II. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC ÂM NHẠC

1. Lấy Huy chương Vàng của Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức làm chuẩn để quy đổi.

2. Chỉ xem xét quy đổi Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng của các Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp trong nước hoặc quốc tế dành cho chương trình, vở diễn, tiết mục và dành cho cá nhân.

Các giải thưởng khác của Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc, Bộ, ngành, quốc tế (khu vực và thế giới), tùy theo tính chất, quy mô, tầm cỡ sẽ được Hội đồng tham khảo khi xét từng trường hợp cụ thể.

3. Tỷ lệ quy đổi cụ thể như sau:

TT	Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn chuyên ngành đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
2	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quốc tế (khu vực và thế giới tổ chức tại Việt Nam và nước ngoài) tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
3	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp khu vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
4	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do các Hội Văn học, Nghệ thuật chuyên ngành Trung ương tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
5	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn ngành/toàn quốc của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức	= 1/2 Huy chương Vàng

4. Một chương trình được tặng Huy chương Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thì cá nhân tham gia được tính quy đổi như sau:

TT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp Ca, Múa, Nhạc	= 01 Huy chương Vàng
2	Chỉ huy hợp xướng; Chỉ huy giao hưởng nhạc vũ kịch	= 2/3 Huy chương Vàng
3	Chỉ đạo nghệ thuật	= 1/2 Huy chương Vàng

Đối với chương trình được tặng Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ, ngành, Hội Văn học, Nghệ thuật chuyên nghiệp Trung ương tổ chức, việc quy đổi giải thưởng cho các phần tham gia nêu trên sẽ thực hiện theo tỷ lệ quy đổi quy định tại mục 3 của Bảng quy đổi giải thưởng lĩnh vực Âm nhạc.

5. Một tiết mục tập thể được tặng Huy chương Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thì cá nhân tham gia được tính quy đổi như sau:

TT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Diễn viên hát: Solo hoặc Duo trên nền tập thể	= 1/3 Huy chương Vàng
2	Nhạc công: Solo hoặc Duo trên nền tập thể	= 1/3 Huy chương Vàng

Đối với tiết mục tập thể được tặng Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ, ngành, Hội Văn học, Nghệ thuật chuyên nghiệp Trung ương tổ chức, việc quy đổi giải thưởng cho các phần tham gia nêu trên sẽ thực hiện theo tỷ lệ quy đổi quy định tại mục 3 của Bảng quy đổi giải thưởng lĩnh vực Âm nhạc.

6. Giải thưởng của tập thể, cá nhân không thông qua các Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp thì không được tính quy đổi.

III. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC MÚA

1. Lấy Huy chương Vàng của Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức làm chuẩn để quy đổi.

2. Chỉ xem xét quy đổi Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng của các Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp trong nước hoặc quốc tế dành cho chương trình, vở diễn, tiết mục và dành cho cá nhân.

Các giải thưởng khác của Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc, Bộ, ngành, quốc tế (khu vực và thế giới), tùy theo tính chất, quy mô, tầm cỡ sẽ được Hội đồng tham khảo khi xét từng trường hợp cụ thể.

3. Tỷ lệ quy đổi cụ thể như sau:

TT	Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn chuyên ngành đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
2	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quốc tế (khu vực và thế giới tổ chức tại Việt Nam và nước ngoài) tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
3	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp khu vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
4	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do các Hội Văn học, Nghệ thuật chuyên ngành Trung ương tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
5	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn ngành của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức	= 1/2 Huy chương Vàng

4. Một vở múa được tặng Huy chương Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thì cá nhân tham gia được tính quy đổi như sau:

TT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Biên đạo múa	= 01 Huy chương Vàng
2	Chỉ đạo nghệ thuật	=1/2 Huy chương Vàng
3	Diễn viên chính (có tên trong Bảng phân vai)	=1/2 Huy chương Vàng
4	Diễn viên thứ chính (có tên trong Bảng phân vai)	=1/3 Huy chương Vàng

Đối với vở múa được tặng Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ, ngành, Hội Văn học, Nghệ thuật chuyên nghiệp Trung ương tổ chức, việc quy đổi giải thưởng cho Biên đạo múa sẽ thực hiện theo tỷ lệ quy đổi quy định tại mục 3 của Bảng quy đổi giải thưởng lĩnh vực Múa.

5. Một tiết mục múa tập thể được tặng Huy chương Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thì cá nhân tham gia được tính quy đổi như sau:

TT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Biên đạo múa	= 1/2 Huy chương Vàng
2	Diễn viên múa: Solo hoặc Duo trên nền tập thể	= 1/3 Huy chương Vàng

Đối với một tiết mục múa tập thể được tặng Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ, ngành, Hội Văn học, Nghệ thuật chuyên nghiệp Trung ương tổ chức, việc quy đổi giải thưởng cho các thành phần nêu trên sẽ thực hiện theo tỷ lệ quy đổi quy định tại mục 3 của Bảng quy đổi giải thưởng lĩnh vực Múa.

6. Giải thưởng của tập thể, cá nhân không thông qua các Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp thì không được tính quy đổi.

h

IV. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC SÂN KHẤU

1. Lấy Huy chương Vàng của Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức làm chuẩn để quy đổi.

2. Chỉ xem xét quy đổi Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng của các Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp trong nước hoặc quốc tế dành cho chương trình, vở diễn, tiết mục và dành cho cá nhân.

Các giải thưởng khác của Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc, Bộ, ngành, quốc tế (khu vực và thế giới), tùy theo tính chất, quy mô, tầm cỡ sẽ được Hội đồng tham khảo khi xét từng trường hợp cụ thể.

3. Tỷ lệ quy đổi cụ thể như sau:

TT	Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn chuyên ngành đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
2	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quốc tế (khu vực và thế giới tổ chức tại Việt Nam và nước ngoài) tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
3	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp khu vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
4	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do các Hội Văn học, Nghệ thuật chuyên ngành Trung ương tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
5	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn ngành của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức	= 1/2 Huy chương Vàng

4. Một vở diễn được tặng Huy chương Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thì cá nhân tham gia được tính quy đổi như sau:

TT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Đạo diễn vở diễn loại hình nghệ thuật: Tuồng, chèo, cải lương, kịch dân ca, kịch nói, kịch hình thể, nhạc kịch, vũ kịch, ca kịch, xiếc, múa rối	= 01 Huy chương Vàng
2	Chỉ huy Nhạc kịch, Vũ kịch	= 2/3 Huy chương Vàng
3	Diễn viên chính (có tên trong Bảng phân vai)	= 1/2 Huy chương Vàng
4	Chỉ đạo nghệ thuật	= 1/2 Huy chương Vàng
5	Chỉ huy Dàn nhạc sân khấu	= 1/3 Huy chương Vàng
6	Diễn viên thứ chính (có tên trong Bảng phân vai)	= 1/3 Huy chương Vàng
7	Họa sĩ tạo hình con rối	= 1/3 Huy chương Vàng
8	Họa sĩ thiết kế trang trí sân khấu	= 1/3 Huy chương Vàng
9	Họa sĩ hóa trang, thiết kế phục trang	= 1/3 Huy chương Vàng

Đối với một vở diễn được tặng Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ, ngành, Hội Văn học, Nghệ thuật chuyên nghiệp Trung ương tổ chức, việc quy đổi giải thưởng cho các thành phần nêu trên sẽ thực hiện theo tỷ lệ quy đổi quy định tại mục 3 của Bảng quy đổi giải thưởng lĩnh vực Sân khấu.

5. Một tiết mục tập thể được tặng Huy chương Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thì cá nhân tham gia được tính quy đổi như sau:

TT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Đạo diễn	= 1/2 Huy chương Vàng
2	Diễn viên: Solo hoặc Duo trên nền tập thể	= 1/3 Huy chương Vàng

Đối với một tiết mục tập thể được tặng Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ, ngành, Hội Văn học, Nghệ thuật chuyên nghiệp Trung ương tổ chức, việc quy đổi giải thưởng cho các thành phần nêu trên sẽ thực hiện theo tỷ lệ quy đổi quy định tại mục 3 của Bảng quy đổi giải thưởng lĩnh vực Sân khấu.

6. Giải thưởng của tập thể, cá nhân không thông qua các Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp thì không được tính quy đổi.

V. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

1. Lấy Bông Sen Vàng - Giải thưởng chính thức của Liên hoan phim quốc gia (Liên hoan phim Việt Nam) làm chuẩn để quy đổi. Chỉ quy đổi sang Bông Sen Vàng đối với:

- Cánh Diều Vàng - Giải thưởng chính thức của Hội Điện ảnh Việt Nam;
- Huy chương Vàng - Giải thưởng chính thức của Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc;
- Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo tại Liên hoan phim Quốc tế dành cho bộ phim và dành cho cá nhân;
- Giải xuất sắc dành cho cá nhân tại Liên hoan Phim Việt Nam, Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân của Hội Điện ảnh Việt Nam và Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc.

2. Lấy Huy chương Vàng của Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức làm chuẩn để quy đổi.

3. Chỉ xem xét quy đổi Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng của các Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp trong nước hoặc quốc tế dành cho chương trình, vở diễn và dành cho cá nhân.

Các giải thưởng khác của Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc, Bộ, ngành, quốc tế (khu vực và thế giới), tùy theo tính chất, quy mô, tầm cỡ sẽ được Hội đồng tham khảo khi xét từng trường hợp cụ thể.

4. Tỷ lệ quy đổi cụ thể như sau:

TT	Liên hoan, Cuộc thi, chuyên ngành để nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông sen Vàng
1	Giải xuất sắc dành cho cá nhân tại Liên hoan phim Việt Nam	= 01 Bông Sen Vàng
2	Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo dành cho bộ phim tại Liên hoan phim quốc tế	= 01 Bông Sen Vàng
3	Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo dành cho cá nhân tại Liên hoan phim quốc tế	= 01 Bông Sen Vàng
4	Cánh Diều Vàng dành cho bộ phim - Giải thưởng chính thức của Hội Điện ảnh Việt Nam	= 2/3 Bông Sen Vàng

TT	Liên hoan, Cuộc thi, chuyên ngành đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông sen Vàng
5	Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân - Giải của Hội Điện ảnh Việt Nam	= 2/3 Bông Sen Vàng
6	Huy chương Vàng dành cho bộ phim - Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc	= 1/2 Bông Sen Vàng
7	Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân - Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc	= 1/2 Bông Sen Vàng
8	Liên hoan Phát thanh toàn quốc	= 1/2 Huy chương Vàng

5. Một bộ phim được tặng giải Bông Sen Vàng thì cá nhân tham gia được tính quy đổi như sau:

TT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông sen Vàng
1	Đạo diễn	= 01 Bông Sen Vàng
2	Quay phim chính	= 1/2 Bông Sen Vàng
3	Họa sĩ thiết kế	= 1/2 Bông Sen Vàng
4	Đạo diễn âm thanh, Người làm âm thanh chính	= 1/2 Bông Sen Vàng
5	Diễn viên chính (có tên trong Bảng phân vai)	= 1/2 Bông Sen Vàng
6	Họa sĩ chính (phim hoạt hình)	= 1/2 Bông Sen Vàng
7	Họa sĩ động tác (phim hoạt hình)	= 1/2 Bông Sen Vàng
8	Diễn viên thứ chính (có tên trong Bảng phân vai)	= 1/3 Bông Sen Vàng
9	Họa sĩ hóa trang, thiết kế phục trang	= 1/3 Bông Sen Vàng

Đối với bộ phim được tặng giải Cánh Diều Vàng, Huy chương Vàng tại Liên hoan Phim do các Bộ, ngành, Hội Điện ảnh Việt Nam tổ chức, việc quy đổi giải thưởng cho các thành phần nêu trên sẽ thực hiện theo tỷ lệ quy đổi quy định tại mục 4 của Bảng quy đổi giải thưởng lĩnh vực Phát thanh-Truyền hình.

6. Một vở diễn sân khấu hoặc một chương trình văn hóa, nghệ thuật trên sóng phát thanh, truyền hình được tặng Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Giải Xuất sắc, Cúp Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn

chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ, ngành tổ chức sẽ lấy Huy chương Vàng tại Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức làm chuẩn để quy đổi giải thưởng.

Việc quy đổi giải thưởng cho các thành phần tham gia sau đây sẽ thực hiện theo tỷ lệ quy đổi quy định tại mục 4 của Bảng quy đổi giải thưởng lĩnh vực Phát thanh-Truyền hình.

TT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Đạo diễn chương trình văn hóa, nghệ thuật trên sóng phát thanh	= 2/3 Huy chương Vàng
2	Đạo diễn chương trình văn hóa, nghệ thuật trên truyền hình	= 2/3 Huy chương Vàng
3	Họa sĩ thiết kế trang trí sân khấu truyền hình.	= 1/3 Huy chương Vàng

7. Giải thưởng của tập thể, cá nhân không thông qua các Liên hoan, Cuộc thi, Hội diễn về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp thì không được tính quy đổi./.

✓

